

NGHỊ ĐỊNH
SỐ 37/2007/NĐ-CP, NGÀY 09 THÁNG 03 NĂM 2007 CỦA CHÍNH PHỦ
Về minh bạch tài sản, thu nhập

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Xét đề nghị của Tổng Thanh tra,*

NGHỊ ĐỊNH:
Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số quy định về minh bạch tài sản, thu nhập tại Mục 4 Chương II Luật Phòng, chống tham nhũng, bao gồm việc kê khai tài sản, thu nhập; xác minh tài sản, thu nhập; xử lý vi phạm các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong tổ chức thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Nghị định này là người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập được quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 6 Nghị định này; cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc kê khai, xác minh tài sản, thu nhập.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kê khai tài sản, thu nhập là việc người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ các loại tài sản, thu nhập phải kê khai theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này;
2. Tài sản, thu nhập phải kê khai là nhà, quyền sử dụng đất; kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và các loại tài sản khác mà giá trị của mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên; tài sản, tài khoản ở nước ngoài; thu nhập phải chịu thuế theo quy định của pháp luật;
3. Biến động về tài sản phải kê khai là sự tăng, giảm tài sản, thu nhập phải kê khai so với lần kê khai gần nhất;
4. Xác minh tài sản, thu nhập là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền tiến hành xem xét, đánh giá, kết luận về tính trung thực của việc kê khai tài sản, thu nhập theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định này.

Điều 4. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Tẩu tán tài sản dưới mọi hình thức nhằm trốn tránh việc kê khai tài sản, thu nhập; cản trở việc xác minh tài sản, thu nhập.
2. Khai thác, sử dụng trái pháp luật bản kê khai tài sản, thu nhập; lợi dụng việc quản lý, khai thác bản kê khai tài sản, thu nhập để gây mất đoàn kết nội bộ hoặc để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác.
3. Lợi dụng việc xác minh tài sản, thu nhập để gây khó khăn, cản trở hoạt động bình thường của người được xác minh; xuyên tạc, xúc phạm danh dự, uy tín của người được xác minh; gây mất đoàn kết nội bộ hoặc để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác.

Chương II

KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 5. Mục đích kê khai tài sản, thu nhập

Việc kê khai tài sản, thu nhập là để cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền biết được tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai nhằm minh bạch tài sản, thu nhập của người đó; phục vụ công tác quản lý cán bộ, công chức, góp phần phòng ngừa và ngăn chặn hành vi tham nhũng.

Điều 6. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

1. Đại biểu Quốc hội chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Cán bộ, công chức từ phó trưởng phòng của Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên và người được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương phó trưởng phòng của Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Sĩ quan giữ cương vị chỉ huy từ cấp phó tiểu đoàn trưởng, phó chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự cấp huyện trở lên trong Quân đội nhân dân; sĩ quan giữ cương vị chỉ huy từ cấp phó tiểu đoàn trưởng, phó trưởng Công an phường, thị trấn, phó đội trưởng trở lên trong Công an nhân dân.

4. Giám đốc, phó giám đốc, viện trưởng, phó viện trưởng, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng khoa, phó trưởng khoa, bác sĩ chính tại các bệnh viện, viện nghiên cứu của Nhà nước.

5. Tổng biên tập, phó tổng biên tập, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng ban, phó trưởng ban báo, tạp chí có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước.

6. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán trưởng trường mầm non, tiểu học của Nhà nước tại quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán trưởng trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên của Nhà nước; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng khoa, phó trưởng khoa, giảng viên chính trường đại học, cao đẳng của Nhà nước.

7. Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng ban, phó trưởng ban tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước; giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng ban quản lý dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

8. Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc, chủ tịch hội đồng quản trị, phó chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm soát, phó trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng ban, phó trưởng ban các phòng, ban nghiệp vụ trong công ty Nhà nước; người được Nhà nước cử giữ chức vụ kể trên trong doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhà nước.

9. Bí thư, phó bí thư Đảng ủy; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; trưởng Công an, chỉ huy trưởng quân sự xã; cán bộ địa chính - xây dựng, tài chính - kế toán của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

10. Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, thư ký toà án, kiểm toán viên Nhà nước, thanh tra viên, chấp hành viên, công chứng viên Nhà nước.

11. Bộ trưởng Bộ Nội vụ, sau khi thống nhất với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các ban của Trung ương Đảng, người đứng đầu cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách đối với người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập là:

người làm công tác quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong cơ quan hành chính Nhà nước các cấp, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Chủ tịch nước.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

1. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có các quyền sau:

a) Được bảo đảm bí mật nội dung của bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật;

b) Khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập tại Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định này;

c) Được khôi phục danh dự, uy tín, được bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập gây ra.

2. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có các nghĩa vụ sau:

a) Kê khai trung thực, đầy đủ, đúng thời hạn về số lượng tài sản, thu nhập phải kê khai và những thay đổi so với lần kê khai gần nhất trước đó;

b) Giải trình trung thực, đầy đủ, kịp thời về các nội dung liên quan đến việc kê khai tài sản, thu nhập khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền;

c) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền phục vụ cho việc xác minh tài sản, thu nhập.

3. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thì ngoài việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này còn phải thực hiện các nghĩa vụ về kê khai tài sản, thu nhập do tổ chức đó quy định.

Điều 8. Tài sản, thu nhập phải kê khai

1. Các loại nhà, công trình xây dựng sau:

a) Nhà, công trình xây dựng khác đang thuê hoặc đang sử dụng thuộc sở hữu của Nhà nước;

b) Nhà, công trình xây dựng khác thuộc sở hữu của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu;

c) Nhà, công trình xây dựng khác thuộc sở hữu của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu đứng tên người khác.

2. Các quyền sử dụng đất sau:

a) Quyền sử dụng đất của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng;

b) Quyền sử dụng đất của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên người khác.

3. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên.

4. Thu nhập từ mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân trở lên theo quy định của pháp luật.

5. Kim khí quý, đá quý, tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, séc, các công cụ chuyển nhượng khác, mô tô, ô tô, tàu, thuyền và các loại tài sản khác mà giá trị của mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

Điều 9. Trình tự, thủ tục kê khai, tiếp nhận bản kê khai tài sản, thu nhập

1. Chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ đạo đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình gửi bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu, hướng dẫn và yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập.

2. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được bản kê khai tài sản, thu nhập, người có nghĩa vụ kê khai phải thực hiện việc kê khai và nộp bản kê khai tài sản, thu nhập cho đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ.

3. Khi tiếp nhận bản kê khai tài sản, thu nhập, người tiếp nhận phải làm giấy giao nhận theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này và ký nhận.

4. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai, đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ phải kiểm tra lại bản kê khai và lưu hồ sơ; trường hợp bản kê khai chưa đúng mẫu quy định thì yêu cầu kê khai lại, thời hạn kê khai lại là năm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12.

Điều 10. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc kê khai tài sản, thu nhập

1. gương mẫu trong việc thực hiện nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập của mình theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, chỉ đạo việc kê khai kịp thời, đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục kê khai theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định này.

3. Chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quản lý, khai thác, sử dụng bản kê khai tài sản, thu nhập

1. Bản kê khai tài sản, thu nhập được quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ cán bộ và chỉ được khai thác, sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Phục vụ cho việc bầu cử, bổ nhiệm, cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc kỷ luật đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập;

b) Phục vụ cho hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền trong việc thẩm tra, xác minh, kết luận về hành vi tham nhũng;

c) Phục vụ công tác tổ chức, cán bộ.

2. Khi người kê khai được điều động, chuyển sang cơ quan, tổ chức khác thì bản kê khai tài sản, thu nhập của người đó phải được chuyển giao cùng với hồ sơ cán bộ cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý.

3. Khi người kê khai nghỉ hưu, thôi việc thì bản kê khai tài sản, thu nhập của người đó được lưu giữ cùng với hồ sơ cán bộ.

4. Bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên được quản lý theo quy định tại Nghị định này và các quy định của Đảng; trường hợp quy định của Đảng có yêu cầu phải công khai bản kê khai tài sản, thu nhập thì phải thực hiện việc công khai theo đúng các quy định đó.

Điều 12. Thủ tục khai thác, sử dụng bản kê khai tài sản, thu nhập

1. Khi cần khai thác, sử dụng bản kê khai tài sản, thu nhập, người thực hiện việc khai thác, sử dụng phải có giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu khai thác, sử dụng, trong đó ghi rõ họ, tên, chức vụ của người đến khai thác, sử dụng và mục đích của việc khai thác, sử dụng.

2. Việc khai thác, sử dụng bản kê khai tài sản, thu nhập được tiến hành tại cơ quan quản lý bản kê khai; nếu cần thiết phải khai thác, sử dụng tại nơi khác thì phải được sự đồng ý của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người có nghĩa vụ kê khai và phải có biên bản bàn giao bản kê khai.

3. Người được giao nhiệm vụ khai thác, sử dụng phải thực hiện việc khai thác, sử dụng đúng với mục đích ghi trong giấy giới thiệu và theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của người quản lý, lưu trữ bản kê khai tài sản, thu nhập

1. Sắp xếp, bảo quản, lưu trữ bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định về quản lý hồ sơ cán bộ.

2. Cung cấp bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có yêu cầu.

3. Không được làm sai lệch nội dung, làm mất mát, hư hỏng bản kê khai tài sản, thu nhập.

4. Không để người khác khai thác, sử dụng trái pháp luật bản kê khai tài sản, thu nhập.

Điều 14. Xử lý vi phạm về quản lý, khai thác, sử dụng bản kê khai tài sản, thu nhập

Người nào làm sai lệch nội dung, làm mất mát, hư hỏng hoặc làm lộ bí mật nội dung bản kê khai tài sản, thu nhập, cung cấp cho người không có thẩm quyền khai thác, sử dụng; người nào khai thác, sử dụng trái pháp luật bản kê khai tài sản, thu nhập hoặc lợi dụng việc khai thác, sử dụng để gây mất đoàn kết nội bộ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương III

XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 15. Mục đích xác minh tài sản, thu nhập

Mục đích của việc xác minh tài sản, thu nhập là nhằm xem xét, đánh giá, kết luận về tính trung thực của việc kê khai tài sản, thu nhập; kiểm soát sự biến động về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai; góp phần phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong sạch, vững mạnh.

Điều 16. Căn cứ yêu cầu xác minh tài sản, thu nhập

Việc yêu cầu xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện khi có một trong những căn cứ sau đây:

1. Khi có kết luận của cơ quan Kiểm tra Đảng, cơ quan Thanh tra Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan điều tra về trách nhiệm của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập liên quan đến hành vi tham nhũng.

2. Khi có tố cáo hoặc phản ánh về vấn đề tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập mà tố cáo, phản ánh đó có nội dung rõ ràng, bằng chứng cụ thể, có căn cứ để xác minh về sự không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai và người tố cáo, phản ánh nêu rõ họ, tên, địa chỉ, cam kết hợp tác đầy đủ, cung cấp tài liệu mà mình có cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền để phục vụ cho việc xác minh tài sản, thu nhập.

Điều 17. Thẩm quyền yêu cầu xác minh tài sản, thu nhập

Khi có một trong những căn cứ quy định tại Điều 16 Nghị định này, cơ quan, tổ chức dưới đây có thẩm quyền ra văn bản yêu cầu xác minh tài sản, thu nhập:

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người dự kiến được bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập đối với người dự kiến được bầu, phê chuẩn;

2. Cơ quan thường vụ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người dự kiến được bầu tại đại hội của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập đối với người dự kiến được bầu;

3. Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người dự kiến được phê chuẩn vào

các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập đối với người dự kiến được phê chuẩn;

4. Hội đồng bầu cử hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc có thẩm quyền yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập đối với người ứng cử;

5. Chủ tịch nước yêu cầu Thủ tướng Chính phủ ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập đối với người dự kiến được bổ nhiệm Phó Thủ tướng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; yêu cầu Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập đối với người dự kiến được bổ nhiệm Phó Chánh án, thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; yêu cầu Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập đối với người dự kiến được bổ nhiệm Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

6. Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu Tổng Kiểm toán Nhà nước ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập đối với người dự kiến được bổ nhiệm Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Điều 18. Thời hạn tiếp nhận tố cáo, phản ánh để yêu cầu xác minh tài sản, thu nhập đối với người dự kiến được bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân, tại đại hội của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Tố cáo, phản ánh về tài sản, thu nhập của người dự kiến được bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân, tại đại hội của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội chỉ được coi là căn cứ để yêu cầu xác minh tài sản, thu nhập khi được gửi đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại hội của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Tố cáo, phản ánh về tài sản, thu nhập của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân chỉ được coi là căn cứ để yêu cầu xác minh tài sản, thu nhập khi được gửi đến Hội đồng bầu cử hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc có thẩm quyền chậm nhất là 30 ngày trước ngày hiệp thương lần cuối cùng về danh sách người ứng cử.

Điều 19. Việc ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập trong các trường hợp sau đây:

a) Khi có văn bản yêu cầu theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định này;

b) Khi có một trong các căn cứ theo quy định tại Điều 16 Nghị định này để phục vụ cho việc bổ nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người dự kiến được bổ nhiệm;

c) Khi có văn bản yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, cơ quan thường vụ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để phục vụ cho việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh do Quốc hội, Hội đồng nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội bầu, phê chuẩn;

d) Khi thấy cần có thêm thông tin phục vụ cho việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập;

đ) Khi người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có hành vi tham nhũng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Việc xác minh tài sản, thu nhập đối với người có hành vi tham nhũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự được thực hiện theo pháp luật về tố tụng hình sự.

Điều 20. Cơ quan, đơn vị tiến hành xác minh tài sản, thu nhập

Người ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập giao cơ quan, đơn vị sau đây tiến hành xác minh tài sản, thu nhập:

1. Trong trường hợp người dự kiến được xác minh tài sản, thu nhập do cấp uỷ Đảng quản lý thì cơ quan tiến hành xác minh là Ủy ban Kiểm tra Đảng cùng cấp;

2. Trong trường hợp người dự kiến được xác minh tài sản, thu nhập không do cấp uỷ Đảng quản lý thì cơ quan tiến hành xác minh là cơ quan Thanh tra Nhà nước cùng cấp; nếu không có cơ quan Thanh tra Nhà nước thì đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó tiến hành việc xác minh.

3. Thanh tra Chính phủ phối hợp với Bộ Nội vụ, Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn việc xác định cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành xác minh tài sản, thu nhập.

Điều 21. Giải trình về việc kê khai tài sản, thu nhập

1. Trước khi ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập, người có thẩm quyền ra quyết định xác minh phải có văn bản yêu cầu người dự kiến được xác minh tài sản, thu nhập giải trình về tính trung thực của việc kê khai tài sản, thu nhập của mình.

2. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu giải trình, người được yêu cầu phải có văn bản giải trình về các nội dung được yêu cầu giải trình và gửi cho người có thẩm quyền ra quyết định xác minh.

3. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản giải trình, người có thẩm quyền phải xem xét nội dung giải trình và ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập; trường hợp không ra quyết định xác minh thì phải có văn bản nêu rõ lý do, gửi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đã yêu cầu xác minh.

Điều 22. Quyết định xác minh tài sản, thu nhập

1. Quyết định xác minh tài sản, thu nhập phải có các nội dung sau:

- a) Căn cứ ra quyết định xác minh;
- b) Họ, tên, chức vụ, nơi công tác của người được xác minh;
- c) Họ tên, chức vụ, nơi công tác của người tiến hành xác minh; trường hợp thành lập đoàn xác minh thì phải ghi rõ họ, tên, chức vụ, nơi công tác của Trưởng đoàn, thành viên đoàn xác minh (sau đây gọi là người xác minh);
- d) Nội dung xác minh;
- đ) Thời hạn xác minh;
- e) Nhiệm vụ, quyền hạn của người xác minh.

2. Trong trường hợp việc xác minh tài sản, thu nhập có nội dung, tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, địa bàn xác minh rộng thì người ra quyết định xác minh thành lập đoàn xác minh và có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan cử cán bộ tham gia đoàn xác minh.

3. Mẫu quyết định xác minh tài sản, thu nhập được ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 23. Nội dung xác minh tài sản, thu nhập

Nội dung xác minh tài sản, thu nhập là việc đối chiếu thông tin về tài sản, thu nhập tại bản kê khai với tài sản, thu nhập thực tế của người được xác minh, bao gồm:

1. Số lượng các loại tài sản, thu nhập;
2. Mô tả về tài sản, thu nhập;
3. Biến động tài sản và giải trình về biến động tài sản (nếu có).

Điều 24. Hoạt động xác minh tài sản, thu nhập

Trong quá trình xác minh tài sản, thu nhập, người xác minh tiến hành các hoạt động sau:

1. Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc xác minh;
2. Làm việc trực tiếp với người được xác minh;
3. Xác minh tại chỗ đối với tài sản, thu nhập được xác minh;

4. Làm việc với cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu về tài sản, thu nhập được xác minh;

5. Làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn - kỹ thuật về tài sản được xác minh để đánh giá, giám định tài sản đó;

6. Làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác để phục vụ cho việc xác minh tài sản, thu nhập;

7. Hoạt động khác cần thiết cho việc xác minh tài sản, thu nhập.

Điều 25. Quyền hạn, trách nhiệm của người xác minh

1. Tiến hành xác minh tài sản, thu nhập khi có quyết định xác minh tài sản, thu nhập.

2. Xác minh tài sản, thu nhập khách quan, trung thực, chính xác, kịp thời; đúng nội dung, thời hạn ghi trong quyết định xác minh.

3. Yêu cầu người được xác minh cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung xác minh.

4. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung xác minh cung cấp thông tin, tài liệu đó.

5. Kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản; hành vi cản trở, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động xác minh.

6. Giữ bí mật thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình xác minh và chỉ báo cáo với người ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập về các thông tin, tài liệu đó.

7. Không làm sai lệch hồ sơ, kết quả xác minh.

8. Báo cáo kết quả xác minh với người ra quyết định xác minh và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của nội dung đã báo cáo.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của người được xác minh tài sản, thu nhập

1. Giải trình về các nội dung được xác minh trong quá trình xác minh tài sản, thu nhập.

2. Đề nghị người ra kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập xem xét lại kết luận của mình nếu có căn cứ cho rằng kết luận đó là không chính xác, trung thực, khách quan; trường hợp không đồng ý với kết quả giải quyết của người ra kết luận thì có quyền đề nghị lên người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp của người ra kết luận xem xét lại kết luận đó.

3. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình xác minh tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về tố cáo.

4. Thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu của người xác minh; kết luận, quyết định của cơ quan, tổ chức, đơn vị ra quyết định xác minh.

Điều 27. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan

Khi có yêu cầu của người ra quyết định xác minh, người xác minh, cơ quan địa chính - nhà đất, cơ quan thuế, ngân hàng và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm:

1. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung xác minh và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu được cung cấp.

2. Cử người có trách nhiệm làm việc với người xác minh để phục vụ hoạt động xác minh.

3. Tiến hành các hoạt động thuộc phạm vi thẩm quyền, chuyên môn của mình để phục vụ cho việc xác minh, làm rõ các thông tin cần thiết trong quá trình xác minh hoặc ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản, hành vi cản trở hoạt động xác minh tài sản, thu nhập.

Điều 28. Biên bản làm việc

1. Các buổi làm việc giữa người xác minh với người được xác minh, giữa người xác minh với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan phải được lập biên bản.

2. Biên bản làm việc phải có các nội dung sau:

a) Thời gian, địa điểm làm việc;

b) Thành phần tham gia;

c) Nội dung làm việc;

d) Kết luận của buổi làm việc hoặc nội dung được thống nhất tại buổi làm việc;

đ) Ý kiến bảo lưu (nếu có).

Điều 29. Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập

1. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập, người xác minh tiến hành các hoạt động xác minh theo quy định tại Điều 24 Nghị định này và phải có báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập gửi người ra quyết định xác minh.

2. Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập phải có các nội dung sau:

a) Nội dung xác minh, hoạt động xác minh đã được tiến hành và kết quả xác minh;

b) Hồ sơ, tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình xác minh; biên bản làm việc;

c) Kết luận của người xác minh về việc kê khai tài sản, thu nhập;

d) Kiến nghị việc xử lý đối với người kê khai không trung thực (nếu có).

Điều 30. Kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập

1. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập, sau khi xem xét báo cáo kết quả xác minh và giải trình của người được xác minh, người ra quyết định xác minh phải ra kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập và gửi cho người được xác minh, cơ quan, tổ chức có yêu cầu xác minh và người tố cáo khi người tố cáo có yêu cầu.

2. Nội dung của bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập phải nêu rõ sự phù hợp hay không phù hợp giữa bản kê khai tài sản, thu nhập và kết quả xác minh; trường hợp có sự không phù hợp giữa kết quả xác minh và bản kê khai thì kết luận không trung thực và nêu rõ sự sai lệch về số lượng tài sản, thu nhập, thông tin mô tả về tài sản, thu nhập, biến động tài sản; quyết định hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý người kê khai không trung thực.

3. Trong trường hợp người được xác minh tài sản, thu nhập đề nghị người ra kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập xem xét lại bản kết luận thì người ra kết luận có trách nhiệm xem xét và trả lời người đề nghị trong thời hạn năm ngày kể từ ngày nhận được đề nghị; trường hợp người đề nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của người ra kết luận và kiến nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp của người ra kết luận thì người nhận được kiến nghị phải xem xét, ra quyết định giải quyết; quyết định này là căn cứ cho việc xử lý người ứng cử, người dự kiến được bầu, phê chuẩn được xác minh tài sản, thu nhập theo quy định tại khoản 1, 2 và 4 Điều 17 Nghị định này.

4. Mẫu kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập được ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 31. Công khai kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập

1. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu công khai bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập của cơ quan, tổ chức đã yêu cầu xác minh theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, người ra kết luận phải ra quyết định công khai bản kết luận đó.

2. Đối với việc xác minh tài sản, thu nhập phục vụ cho việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật hoặc khi có hành vi tham nhũng thì người ra kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập phải ra quyết định công khai bản kết luận đó ngay sau khi bản kết luận được ban hành.

3. Bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập được công khai tại các địa điểm quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Phòng, chống tham nhũng.

4. Bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được công khai tại hội nghị cử tri nơi công tác, nơi cư trú của người đó.

Điều 32. Hồ sơ xác minh tài sản, thu nhập

1. Việc xác minh tài sản, thu nhập phải được lập thành hồ sơ. Hồ sơ xác minh gồm có:

a) Quyết định xác minh; biên bản làm việc; giải trình của người được xác minh; báo cáo kết quả xác minh;

b) Kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập;

c) Văn bản yêu cầu, kiến nghị của người ra quyết định xác minh, người xác minh;

d) Kết quả đánh giá, giám định trong quá trình xác minh (nếu có);

đ) Các tài liệu khác có liên quan đến việc xác minh.

2. Việc quản lý, sử dụng hồ sơ xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý hồ sơ cán bộ.

3. Nghiêm cấm việc tiết lộ thông tin của hồ sơ xác minh tài sản, thu nhập; người nào vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương IV

**XỬ LÝ VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ
MINH BẠCH TÀI SẢN, THU NHẬP**

Điều 33. Xử lý kỷ luật đối với người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực

1. Người bị kết luận là không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Hạ bậc lương;

d) Hạ ngạch.

2. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày có kết luận về sự kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xử lý kỷ luật phải tiến hành xem xét, xử lý kỷ luật đối với người kê khai không trung thực.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực là cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

4. Việc xử lý kỷ luật đối với người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

5. Quyết định kỷ luật đối với người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực phải được niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó làm việc; thời hạn công khai ít nhất là ba tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật được ban hành.

Điều 34. Xử lý người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực là người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, người dự kiến được bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại hội của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, người dự kiến được phê chuẩn, bổ nhiệm

1. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân mà bị kết luận là kê khai tài sản, thu nhập không trung thực thì bị xoá tên khỏi danh sách người ứng cử trong thời hạn một nhiệm kỳ.

2. Người dự kiến được bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại hội của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, người dự kiến được phê chuẩn, bổ nhiệm mà bị kết luận là kê khai tài sản, thu nhập không trung thực thì không được bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm trong thời hạn một năm, kể từ ngày bị kết luận là kê khai không trung thực.

3. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, người dự kiến được bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm bị kết luận là kê khai tài sản, thu nhập không trung thực mà người đó là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân ngoài việc bị xử lý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì còn bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

Điều 35. Xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập

1. Người yêu cầu xác minh, người ra quyết định xác minh, người xác minh, người ra kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập có hành vi vi phạm các quy định về xác minh tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

2. Người yêu cầu xác minh, người ra quyết định xác minh, người tiến hành xác minh, người ra kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập có hành vi vi phạm các quy định về xác minh tài sản, thu nhập, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người được xác minh có trách nhiệm cải chính công khai bằng văn bản và gửi cho người được xác minh, cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó làm việc.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ

1. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn công tác thanh tra việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập theo nội dung, trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 120/2006/NĐ-CP, ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành trong việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.

3. Tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.

Điều 37. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tổ chức, chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập trong phạm vi Bộ, ngành, địa phương, cơ quan mình.

2. Rà soát, bãi bỏ theo thẩm quyền; kiến nghị các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bãi bỏ các quy định trái với các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập tại Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định này.

3. Khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích, xử lý nghiêm minh người có hành vi vi phạm quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.

Điều 38. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các quy định tại Chương II Nghị định số 64/1998/NĐ-CP, ngày 17 tháng 08 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Chống tham nhũng và Nghị định số 13/2002/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/1998/NĐ-CP, ngày 17 tháng 08 năm 1998 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 39. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T/M. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
NGUYỄN TẤN DŨNG